

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH
CẦU PHÀ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	07 - 31
Bảng cân đối kế toán	07 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Minh Thành	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Lê Hữu Châu	Phó Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Bà Tạ Thị Hồng Tâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Trịnh Văn Khâm	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Vũ Bảo Vân	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Hữu Châu	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Vũ Tiến Đạt	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2016)
Ông Phạm Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2016)
Ông Trần Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 04 tháng 05 năm 2016)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Mạnh Thư	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Nguyễn Quang Huy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)
Ông Trần Thái Phương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 12 tháng 04 năm 2016)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 29 tháng 03 năm 2017, từ trang 7 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Chúng tôi không thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ phải thu, phải trả của Công ty tại thời điểm 03/05/2016 và 31/12/2016. Điều này dẫn đến việc chúng tôi phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 của Công ty. Chúng tôi cũng đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế nhưng vẫn không thể khẳng định được tính hiện hữu, đầy đủ của các khoản công nợ phải thu, phải trả chưa được xác nhận tại thời điểm 03/05/2016, bao gồm: phải thu ngắn hạn của khách hàng 23,5 tỷ đồng, phải thu ngắn hạn khác 2,6 tỷ đồng, phải trả người bán ngắn hạn 2,8 tỷ đồng, người mua trả tiền trước ngắn hạn 9,2 tỷ đồng và tại thời điểm 31/12/2016, bao gồm: phải thu ngắn hạn của khách hàng 23,93 tỷ đồng, phải thu ngắn hạn khác 4,71 tỷ đồng, phải trả người bán ngắn hạn 2,89 tỷ đồng, người mua trả tiền trước ngắn hạn 4,51 tỷ đồng. Do đó, chúng tôi cũng không thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề nêu trên đối với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 của Công ty.
- Công ty chưa thực hiện kiểm kê các công trình sản xuất kinh doanh dở dang tại thời điểm 31/12/2016. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không đánh giá được: (i) Tính hiện hữu, chính xác của khoản mục Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang với giá trị ghi số 9,3 tỷ đồng trên Bảng cân đối kế toán của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 (Thuyết minh số 7); (ii) Tính đầy đủ trong việc ghi nhận chi phí phát sinh đối với phần công việc đã thực hiện nhưng chưa được khách hàng nghiệm thu, chấp nhận thanh toán trên Báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" đến các dữ liệu tương ứng, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm phát hành Báo cáo Kiểm toán này, Quỹ lương của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 vẫn chưa nhận được sự phê duyệt của chủ sở hữu. Bên cạnh đó, do ảnh hưởng của việc Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 chưa được phê duyệt, Công ty tạm tính và ghi nhận Quỹ lương trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 theo Dự toán thu - chi năm 2016 (giai đoạn Công ty cổ phần) đã được phê duyệt bởi Hội đồng Quản trị.

Công ty đã hoàn thành báo cáo quyết toán cổ phần hóa và trình Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh thẩm định. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Sở Tài chính chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xác định phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, do vậy Báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ thay đổi sau khi được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần ngày 04 tháng 05 năm 2016.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ nêu trên của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề công nợ phải thu, phải trả của Công ty chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, và Chi phí phát sinh đối với phần công việc đã thực hiện nhưng chưa được khách hàng nghiệm thu, chấp nhận thanh toán chưa được ghi nhận đầy đủ trên Báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 03/05/2016. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 và đã được Kiểm toán viên nêu ý kiến kiểm toán tại Báo cáo kiểm toán này.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2017

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0777-2013-002-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Diệu Trang
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 0938-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	04/05/2016
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		258.549.877.900	149.594.387.250
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	38.122.458.810	25.617.663.993
111 1. Tiền		38.122.458.810	25.617.663.993
130 II. Các khoản phải thu ngắn hạn		206.156.666.395	111.798.064.440
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	162.265.451.386	56.799.042.131
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	5.711.743.520	3.053.370.840
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	38.179.471.489	51.945.651.469
140 III. Hàng tồn kho	7	11.105.583.937	1.937.343.782
141 1. Hàng tồn kho		11.105.583.937	1.937.343.782
150 IV. Tài sản ngắn hạn khác		3.165.168.758	10.241.315.035
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	431.935.211	1.734.627.069
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2.733.233.547	8.506.687.966
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		60.922.119.868	68.961.132.656
220 I. Tài sản cố định		45.381.582.517	50.444.216.085
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	45.271.832.521	50.377.096.630
222 - Nguyên giá		78.236.549.875	78.153.549.875
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(32.964.717.354)	(27.776.453.245)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	109.749.996	67.119.455
228 - Nguyên giá		213.100.000	152.100.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(103.350.004)	(84.980.545)
240 II. Tài sản dở dang dài hạn		522.251.093	522.251.093
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	522.251.093	522.251.093
260 III. Tài sản dài hạn khác		15.018.286.258	17.994.665.478
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	15.018.286.258	17.994.665.478
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		319.471.997.768	218.555.519.906

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	04/05/2016
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		220.634.976.952	123.391.296.122
310 I. Nợ ngắn hạn		220.634.976.952	123.391.296.122
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	23.403.852.076	6.281.472.295
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14	47.746.269.733	23.145.302.321
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	6.645.370.375	-
314 4. Phải trả người lao động		8.511.408.908	2.691.911.963
318 5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	6.909.091
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	16	90.236.090.597	70.479.147.122
320 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	12	44.502.156.764	11.813.694.050
322 8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(410.171.501)	8.972.859.280
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		98.837.020.816	95.164.223.784
410 I. Vốn chủ sở hữu	17	100.179.818.026	91.000.000.000
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		91.000.000.000	91.000.000.000
421 2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		9.179.818.026	-
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		9.179.818.026	-
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		(1.342.797.210)	4.164.223.784
431 1. Nguồn kinh phí	18	(1.342.797.210)	4.164.223.784
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		319.471.997.768	218.555.519.906

Người lập biểu

mauu

Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng

mauu

Lê Nga Phương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017
Tổng Giám đốc



mauu

Lê Hữu Châu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 ngày 31/12/2016

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 04/05/2016	Từ ngày 01/01/2016
		đến ngày 31/12/2016	đến ngày 03/05/2016
		VND	VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	242.066.218.241	33.950.722.721
10 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		242.066.218.241	33.950.722.721
11 3. Giá vốn hàng bán	21	213.469.630.769	31.360.298.580
20 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		28.596.587.472	2.590.424.141
21 5. Doanh thu hoạt động tài chính	22	752.763.960	171.710.634
22 6. Chi phí tài chính	23	1.590.372.316	98.304.278
23 - Trong đó: Chi phí lãi vay		1.590.372.316	98.304.278
26 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	16.406.708.905	5.662.635.949
30 8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.352.270.211	(2.998.805.452)
31 9. Thu nhập khác	25	725.138.100	315.789.320
32 10. Chi phí khác	26	599.765.514	1.191.052.420
40 11. Lợi nhuận khác		125.372.586	(875.263.100)
50 12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.477.642.797	(3.874.068.552)
51 13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	2.297.824.771	-
60 14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>9.179.818.026</u>	<u>(3.874.068.552)</u>
70 15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	1.009	

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 ngày 31/12/2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 04/05/2016	Từ ngày 04/05/2016
		đến ngày 31/12/2016	đến ngày 31/12/2016
		VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	192.393.800.681	94.284.255.368
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(175.006.525.035)	(68.110.035.907)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(20.793.190.296)	(9.894.463.459)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	(1.590.372.316)	(98.304.278)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(29.596.700)	(2.000.000.000)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	12.231.666.196	55.062.261.549
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh (i)	(28.107.214.387)	(88.173.229.238)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(20.901.431.857)	(18.929.515.965)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	(35.000.000)	(65.000.000)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	752.763.960	187.966.412
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	717.763.960	122.966.412
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	60.288.898.530	10.755.614.099
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	(27.600.435.816)	(18.244.790.500)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	32.688.462.714	(7.489.176.401)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	12.504.794.817	(26.295.725.954)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	25.617.663.993	51.913.389.947
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	38.122.458.810	25.617.663.993

- (i) Trong đó bao gồm: 12.000.000.000 VND là tiền nộp Quỹ đầu tư phát triển trước thời điểm cổ phần hóa về Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh; 4.880.202.211 VND là tiền nộp và thanh toán các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ; 1.655.633.497 VND là tiền nộp về cổ phần hóa; còn lại là các khoản chi khác.

Người lập biểu



Nguyễn Hoàng Hạnh

Kế toán trưởng



Lê Nga Phương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2017



Tổng Giám đốc



Lê Hữu Châu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 ngày 31/12/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ Doanh nghiệp nhà nước Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 6767/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính của Công ty tại số 132 Đào Duy Từ, phường 6, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 91.000.000.000 VND (Chín mươi một tỷ đồng).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là:

- Hoạt động công ích: Quản lý, duy tu, sửa chữa thường xuyên và đảm bảo an toàn hệ thống các công trình cầu phà của Thành phố Hồ Chí Minh theo phân cấp quản lý; Duy tu bờ kè; Quản lý, bảo dưỡng, chăm sóc công viên cây xanh;
- Lĩnh vực thi công, sản xuất, lắp đặt: Thi công (đào, lắp đặt các công trình ngầm, công trình giao thông, bến bãi, các công trình cấp thoát nước, xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp);
- Dịch vụ giữ xe dưới dạp cầu trong hành lang quản lý;
- Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa.

Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến 03/05/2016, Công ty đã thực hiện điều chỉnh theo quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và các xử lý tài chính khác theo hướng dẫn tại thông tư số 127/2014/TT-BTC để hoàn tất việc chuyển đổi từ doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần từ ngày 04/05/2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301986393 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/09/2010, thay đổi lần thứ 06 ngày 04/05/2016.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc

Xí nghiệp Công trình Giao thông 1
Xí nghiệp Công trình Giao thông 2
Xí nghiệp Công trình Giao thông 3
Xí nghiệp Công trình Giao thông 4
Xí nghiệp Công trình Giao thông 5
Xí nghiệp Công trình Giao thông 6

Địa chỉ

Thành phố Hồ Chí Minh
Thành phố Hồ Chí Minh
Thành phố Hồ Chí Minh
Thành phố Hồ Chí Minh
Thành phố Hồ Chí Minh
Thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh chính

Thi công công trình giao thông.
Thi công công trình giao thông.
Thi công công trình giao thông.
Thi công công trình giao thông.
Thi công công trình giao thông.
Thi công công trình giao thông.

<u>Các đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Xí nghiệp Công trình Giao thông 7	Thành phố Hồ Chí Minh	Thi công công trình giao thông, khai thác dạp cầu.
Xí nghiệp Công trình Giao thông 8	Thành phố Hồ Chí Minh	Sản xuất lắp đặt biển báo, dải phân cách và cầu kiện cầu, thi công công trình.
Xí nghiệp Công trình Giao thông 9	Thành phố Hồ Chí Minh	Cho thuê xe máy thiết bị, thi công công trình.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Năm tài chính đầu tiên của Công ty bắt đầu từ thời điểm chính thức chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty cổ phần (ngày 04/05/2016) đến ngày 31/12/2016.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại Văn phòng Công ty. Theo cơ chế khoán chi phí thực hiện công trình cho các Xí nghiệp, Công ty tạm ứng tiền cho các Xí nghiệp và ghi nhận các nghiệp vụ giao dịch phát sinh trên cơ sở Xí nghiệp hoàn chứng từ về.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

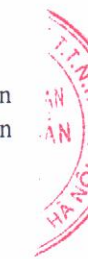
Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, khấu hao lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	03 - 20 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.11 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.12 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.14 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên biên bản nghiệm thu khối lượng và giá trị.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.16 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

2.17 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.18 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	04/05/2016
	VND	VND
Tiền mặt	14.947.864	21.565.282
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	38.107.510.946	25.596.098.711
	38.122.458.810	25.617.663.993

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	04/05/2016
	VND	VND
Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 1	6.080.574.960	661.536.626
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 2	25.596.465.833	4.693.795.596
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 3	7.499.525.068	2.957.928.932
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 4	28.712.557.535	5.304.761.444
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hiệp Phước	15.532.764.468	12.197.206.998
Các khoản phải thu khách hàng khác	78.843.563.522	30.983.812.535
	162.265.451.386	56.799.042.131

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		04/05/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	-	-	2.519.992.000	-
Công ty Cổ phần Bê tông IBS	3.945.002.000	-	-	-
Các đơn vị khác	1.766.741.520	-	533.378.840	-
	5.711.743.520	-	3.053.370.840	-

6 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		04/05/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	419.393.327	-	280.286.000	-
Phải thu các khoản trích theo lương	187.283.950	-	182.671.705	-
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	-	-	233.120.584	-
Phải thu tiền đặt cọc thuê mặt bằng	250.000.000	-	250.000.000	-
Phải thu Công ty Công trình Giao thông về chi hộ tiền đo vẽ đất	90.940.224	-	90.940.224	-
Phải thu tiền bảo đảm chờ quyết toán, bảo lãnh thực hiện hợp	7.117.881.978	-	11.639.829.228	-
Phải thu về cho thuê xe máy, chi phí thi công	3.033.927.447	-	2.081.476.817	-
Phải thu về tạm ứng	26.091.388.629	-	37.135.993.579	-
Phải thu Xí nghiệp giá trị các công trình đã quyết toán	988.655.934	-	-	-
Phải thu khác	-	-	51.333.332	-
	38.179.471.489	-	51.945.651.469	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		04/05/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.649.170.771	-	1.785.614.782	-
Công cụ, dụng cụ	113.099.000	-	151.729.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.343.314.166	-	-	-
	11.105.583.937	-	1.937.343.782	-

8 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	04/05/2016
	VND	VND
Công trình xây dựng trụ sở làm việc (i)	522.251.093	522.251.093
- Chi phí khảo sát địa chất công trình, tư vấn lập dự án và thiết kế cơ sở	522.251.093	522.251.093
	<u>522.251.093</u>	<u>522.251.093</u>

(i): Dự án đầu tư xây dựng Công trình Trụ sở làm việc Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh tại số 451/10 đường Tô Hiến Thành, phường 14, quận 10 được phê duyệt theo quyết định số 01/QĐ-SXD-TDDA ngày 15 tháng 01 năm 2015 của Sở xây dựng thành phố Hồ Chí Minh. Nguồn vốn đầu tư dự án từ tiền thu được do bán đấu giá nhà, đất tại địa chỉ số 132 đường Đào Duy Từ, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 13 tháng 08 năm 2015, Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Công văn số 4715/UBND-CNN về việc không cấp thêm vốn từ nguồn bán đấu giá mặt bằng tại số 132 Đào Duy Từ, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh để xây dựng trụ sở làm việc mới.

Ngày 01/07/2016, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công trình Cầu phà thành phố Hồ Chí Minh đã ra Nghị quyết số 451/NQ-HĐQT giao Tổng giám đốc chỉ đạo các phòng nghiệp vụ thực hiện thủ tục hủy dự án cũ, xin phép Sở Tài chính thành phố Hồ Chí Minh về hướng xử lý khoản chi phí đã phát sinh đồng thời thực hiện lập lại dự án mới.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Công VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	12.115.852.662	5.059.295.063	60.208.986.878	769.415.272	78.153.549.875
- Mua trong kỳ	-	83.000.000	-	-	83.000.000
Số dư cuối kỳ	12.115.852.662	5.142.295.063	60.208.986.878	769.415.272	78.236.549.875
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	5.535.982.370	2.400.122.745	19.295.526.556	544.821.574	27.776.453.245
- Khấu hao trong kỳ	774.552.174	434.111.712	3.884.628.591	94.971.632	5.188.264.109
- Phân loại lại	-	(7.280.840)	27.922.222	(20.641.382)	-
Số dư cuối kỳ	6.310.534.544	2.826.953.617	23.208.077.369	619.151.824	32.964.717.354
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	6.579.870.292	2.659.172.318	40.913.460.322	224.593.698	50.377.096.630
Tại ngày cuối kỳ	5.805.318.118	2.315.341.446	37.000.909.509	150.263.448	45.271.832.521

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là Phần mềm máy vi tính với nguyên giá và khấu hao lũy kế tại thời điểm 31/12/2016 lần lượt là 213.100.000 VND và 103.350.004 VND (khấu hao trong kỳ là 18.369.459 VND).

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	04/05/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí chờ ghi nhận do chưa có doanh thu	-	1.734.627.069
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	431.935.211	-
	<u>431.935.211</u>	<u>1.734.627.069</u>
b) Dài hạn		
Lợi thế kinh doanh (i)	14.109.688.275	15.677.431.417
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	908.597.983	2.317.234.061
	<u>15.018.286.258</u>	<u>17.994.665.478</u>

(i): Giá trị lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo quyết định số 6033/QĐ-UBND ngày 17/11/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về chấp nhận kết quả xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh và được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong thời gian 10 năm kể từ thời điểm cổ phần hóa.

12 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	04/05/2016		Trong kỳ		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	11.813.694.050	11.813.694.050	60.288.898.530	27.600.435.816	44.502.156.764	44.502.156.764
	<u>11.813.694.050</u>	<u>11.813.694.050</u>	<u>60.288.898.530</u>	<u>27.600.435.816</u>	<u>44.502.156.764</u>	<u>44.502.156.764</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Các khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/03062015/94435/HĐTDHM ngày 03/06/2015, hạn mức tín dụng là 50.000.000.000 VND, mục đích để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất và thời hạn của khoản vay được xác định theo từng lần giải ngân cụ thể, lãi trả hàng tháng. Phương thức bảo đảm tiền vay là tín chấp.

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		04/05/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn	5.229.248.271	5.229.248.271	1.961.957.527	1.961.957.527
Công ty TNHH MTV Xây dựng Thương mại Dịch vụ Hàng hải Hải Phúc	1.053.654.200	1.053.654.200	1.053.654.200	1.053.654.200
Chi nhánh Sao Mai - Công ty TNHH MTV đóng tàu 76	784.500.000	784.500.000	784.500.000	784.500.000
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Xây dựng Công trình 3	4.084.395.000	4.084.395.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	12.252.054.605	12.252.054.605	2.481.360.568	2.481.360.568
	23.403.852.076	23.403.852.076	6.281.472.295	6.281.472.295

14 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2016		04/05/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người mua trả tiền trước chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình Quận 8	-	-	3.464.251.000	3.464.251.000
Khu quản lý Giao thông Đô thị số 3	9.695.002.068	9.695.002.068	258.597.000	258.597.000
Ban quản lý Dự án các công trình xây dựng huyện Cần Giuộc	-	-	3.539.500.000	3.539.500.000
Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình huyện Nhà Bè	19.453.026.347	19.453.026.347	-	-
Ban quản lý Dự án xây dựng thành phố Sa Đéc	4.018.721.000	4.018.721.000	-	-
Khách hàng khác	14.579.520.318	14.579.520.318	15.882.954.321	15.882.954.321
	47.746.269.733	47.746.269.733	23.145.302.321	23.145.302.321

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ VND	Số phải nộp đầu kỳ VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	Số phải thu cuối kỳ VND	Số phải nộp cuối kỳ VND
Thuế giá trị gia tăng	3.583.029.126	-	24.910.037.518	14.681.638.017	-	6.645.370.375
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.818.337.560	-	2.297.824.771	29.596.700	2.550.109.489	-
Thuế thu nhập cá nhân	105.321.280	-	-	77.802.778	183.124.058	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	962.135.280	962.135.280	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	11.481.057	11.481.057	-	-
	8.506.687.966	-	28.181.478.626	15.762.653.832	2.733.233.547	6.645.370.375

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



16 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016	04/05/2016
	VND	VND
Phải trả các xí nghiệp về chi phí thi công (i)	59.349.970.513	35.953.477.563
Phải trả về thuế GTGT đầu vào kê khai khấu trừ hộ xí nghiệp (ii)	24.715.187.657	19.006.802.621
Quỹ đầu tư phát triển phải nộp về Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	-	12.000.000.000
Phải trả về cổ phần hóa	1.343.281.699	2.963.507.778
Phải trả về Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (iii)	3.883.898.032	-
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	65.443.000	65.443.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	878.309.696	489.916.160
	<u>90.236.090.597</u>	<u>70.479.147.122</u>

(i): Phải trả cho các Xí nghiệp về chi phí duy tu, sửa chữa, thi công công trình phần tương ứng phần chi phí tạm ứng thiếu theo giá trị nghiệm thu trên biên bản quyết toán đã được Công ty chấp nhận phù hợp với định mức chi phí tiêu hao áp dụng trong lĩnh vực xây lắp.

(ii): Công ty thực hiện kê khai và khấu trừ hộ thuế GTGT đầu vào phát sinh tại các Xí nghiệp. Giá trị thuế GTGT đầu vào đủ điều kiện khấu trừ sẽ được thanh toán cho các Xí nghiệp sau khi có biên bản quyết toán của cơ quan thuế.

(iii): Tại thời điểm cổ phần hóa, hoạt động duy tu khoản cầu chưa được nghiệm thu với các Khu quản lý giao thông. Do đó, một phần lợi nhuận từ hoạt động duy tu khoản cầu tháng 04 đang được theo dõi trên khoản mục Phải trả ngắn hạn khác để chờ quyết định xử lý từ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh khi phê duyệt quyết toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 của Công ty TNHH MTV Công trình Cầu Phà thành phố Hồ Chí Minh.

17 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của Chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
	VND	VND				VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	44.713.000.000	26.230.028.067		-	18.536.994.208	839.124	89.480.861.399
Tăng do xác định giá trị doanh nghiệp	-	15.753.773.882		9.475.036.920	-	-	25.228.810.802
Lỗ trong kỳ trước	-	-		-	-	(3.874.068.552)	(3.874.068.552)
Tăng khác	51.333.332	-		-	-	-	51.333.332
Giảm do xác định giá trị doanh nghiệp	-	(522.588.711)		-	-	-	(522.588.711)
Giảm do phải nộp về HFIC	-	-		-	(16.881.360.711)	-	(16.881.360.711)
Điều chỉnh khi chính thức chuyển thành công ty cổ phần	46.235.666.668	(41.461.213.238)		(9.475.036.920)	(1.655.633.497)	3.873.229.428	(2.482.987.559)
Số dư cuối kỳ trước	91.000.000.000	-		-	-	-	91.000.000.000
Lãi trong kỳ này	-	-		-	-	9.179.818.026	9.179.818.026
Số dư cuối kỳ này	91.000.000.000	-		-	-	9.179.818.026	100.179.818.026

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2016	Tỷ lệ	04/05/2016	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh	36.400.000.000	40,00	36.400.000.000	40,00
Tạ Thị Hồng Tâm	7.000.000.000	7,69	7.000.000.000	7,69
Nguyễn Ngọc Chính	7.000.000.000	7,69	7.000.000.000	7,69
Các cổ đông khác	40.600.000.000	44,62	40.600.000.000	44,62
	91.000.000.000	100,00	91.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016
	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
- Vốn góp đầu kỳ	91.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	91.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.100.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.100.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.100.000
- Cổ phiếu phổ thông	9.100.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu	

18 . NGUỒN KINH PHÍ

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	4.164.223.784	(824.366.660)
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	17.710.570.332	6.253.425.690
Chi sự nghiệp	(23.217.591.326)	(1.264.835.246)
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ (i)	(1.342.797.210)	4.164.223.784

(i) Nguồn kinh phí sự nghiệp do Ngân sách Nhà nước cấp để thực hiện các dự án liên quan đến sửa chữa, duy tu, mở rộng bến phà và các công trình được UBND thành phố Hồ Chí Minh giao cho Công ty làm chủ đầu tư. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, chỉ còn Dự án nâng cấp bến phà Cát Lái tiếp tục thực hiện, các dự án còn lại đang tạm ngừng chờ quyết toán.

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản nhận giữ hộ

	31/12/2016	04/05/2016
	VND	VND
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ	-	522.588.711

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Doanh thu công tác duy tu cầu	89.418.308.297	16.195.082.728
Doanh thu xây dựng công trình, công tác Kiểm định tư vấn giám sát	148.929.270.858	16.334.842.722
Doanh thu công tác khai thác dạp cầu	2.756.366.359	1.335.415.453
Doanh thu khác	962.272.727	85.381.818
	242.066.218.241	33.950.722.721

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Giá vốn công tác duy tu cầu	68.761.767.918	13.936.137.525
Giá vốn xây dựng công trình, hoạt động Kiểm định tư vấn giám sát	141.380.973.042	15.998.321.634
Giá vốn khai thác dạp cầu	2.553.623.814	1.237.033.376
Giá vốn khác	773.265.995	188.806.045
	213.469.630.769	31.360.298.580

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Lãi tiền gửi	752.763.960	171.710.634
	752.763.960	171.710.634

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Lãi tiền vay	1.590.372.316	98.304.278
	1.590.372.316	98.304.278

24 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.518.019	260.194.039
Chi phí nhân công	6.941.356.896	2.264.304.599
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.159.116.663	1.127.951.640
Thuế, phí và lệ phí	1.848.281.734	355.717.272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.492.217.333	1.394.727.321
Chi phí khác bằng tiền	559.218.260	259.741.078
	16.406.708.905	5.662.635.949

25 . THU NHẬP KHÁC

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND	VND
Thu tiền bồi thường sửa chữa cầu do va đụng	707.768.100	135.612.603
Hoa hồng nhận được từ hợp đồng bảo hiểm	-	13.183.945
Thu nhập do giảm các khoản phải trả cho xí nghiệp khi có quyết toán chính thức	-	166.992.772
Các khoản khác	17.370.000	-
	725.138.100	315.789.320

26 . CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND	VND
Chi phí sửa chữa cầu, đường do va đụng	583.984.457	65.671.098
Xử lý chi phí Công trình dạp cầu Tân Thới Hiệp	15.781.057	1.125.381.322
Các khoản khác	-	-
	599.765.514	1.191.052.420

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.477.642.797	(3.874.068.552)
Các khoản điều chỉnh tăng	11.481.057	1.125.381.322
- Chi phí không được trừ	11.481.057	1.125.381.322
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.489.123.854	(2.748.687.230)
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.297.824.771	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	(4.818.337.560)	(2.818.337.560)
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(29.596.700)	(2.000.000.000)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(2.550.109.489)	(4.818.337.560)

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	9.179.818.026
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	9.179.818.026
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.100.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.009

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016.

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	113.009.542.489
Chi phí nhân công	55.578.722.057
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.206.633.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.865.537.466
Chi phí khác bằng tiền	559.218.260
	239.219.653.840

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		04/05/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	38.122.458.810	-	25.617.663.993	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	200.444.922.875	-	108.744.693.600	-
	238.567.381.685	-	134.362.357.593	-
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2016	04/05/2016
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			44.502.156.764	11.813.694.050
Phải trả người bán, phải trả khác			113.639.942.673	76.760.619.417
			158.142.099.437	88.574.313.467

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và tương đương tiền	38.122.458.810	-	-	38.122.458.810
Phải thu khách hàng, phải thu khác	200.444.922.875	-	-	200.444.922.875
	238.567.381.685	-	-	238.567.381.685
Tại ngày 04/05/2016				
Tiền và tương đương tiền	25.617.663.993	-	-	25.617.663.993
Phải thu khách hàng, phải thu khác	108.744.693.600	-	-	108.744.693.600
	134.362.357.593	-	-	134.362.357.593

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	44.502.156.764	-	-	44.502.156.764
Phải trả người bán, phải trả khác	113.639.942.673			113.639.942.673
	<u>158.142.099.437</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>158.142.099.437</u>
Tại ngày 04/05/2016				
Vay và nợ	11.813.694.050	-	-	11.813.694.050
Phải trả người bán, phải trả khác	76.760.619.417	-	-	76.760.619.417
	<u>88.574.313.467</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>88.574.313.467</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN

a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 03/05/2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	60.288.898.530	10.755.614.099

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND	Từ ngày 04/05/2016 đến ngày 31/12/2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(27.600.435.816)	(18.244.790.500)

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.